TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 01 năm 2023
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Lê Trường An

Bà: Nguyễn Vũ Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 543/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2022/QĐST-DS ngày 15/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đoàn Văn Ú, sinh năm 1964 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Nguyễn Thị N**,** sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2022, nguyên đơn Đoàn Văn Ú trình bày:

Về hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị N kết hôn với nhau vào năm 1982 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng ly thân thời gian dài. Nay ông yêu cầu được ly hôn với Nguyễn Thị N.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 05 người con chung tên Đoàn Hồng Q, sinh năm 1983; Đoàn Phước L, sinh năm 1984; Đoàn Quốc K, sinh năm 1987; Đoàn Tấn M, sinh năm 1989; Đoàn Hồng T, sinh năm 1990, hiện nay các cháu trưởng thành có cuộc sống riêng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: có nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để công khai chứng cứ hòa giải và xét xử nhưng bà N vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời trình bài của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn có nơi trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đoàn Văn Ú khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà Nguyễn Thị N, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Ú là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự ông Ú là nguyên đơn, bà N là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Ú có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà N tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Ông Ú và bà N hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật, Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Ú và bà N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và được bảo vệ. Về mâu thuẫn không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; ông Ú và bà N đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Ú và bà N đã ly thân thời gian dài. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của ông Ú được ly hôn với bà N.

[3] *Về con chung:* Ông Ú và bà N quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 05 người con chung tên Đoàn Hồng Q, sinh năm 1983; Đoàn Phước L, sinh năm 1984; Đoàn Quốc K, sinh năm 1987; Đoàn Tấn M, sinh năm 1989; Đoàn Hồng T, sinh năm 1990, hiện nay các cháu trưởng thành có cuộc sống riêng không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Ú phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn Ú được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

2. Về án phí: *Ông Đoàn Văn Ú phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 22/8/2022 ông Ú đã dự nộp 300.000 đồng* theo biên lai thu số 0005318 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình, huyện TVT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Thủy